

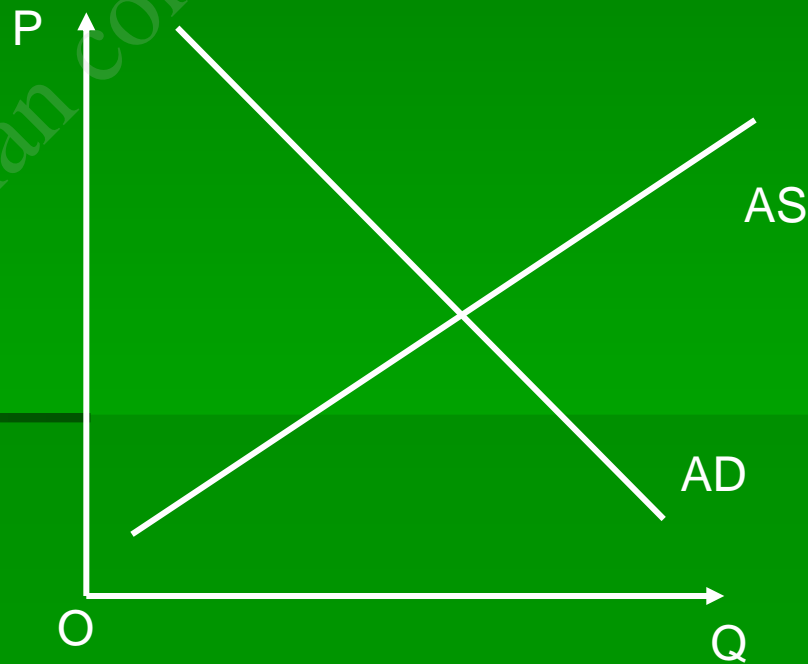
# Một số quan điểm phát triển khác

# Trường phái tân cổ điển

- Alfred Marshall (1842-1924): Các nguyên lý của kinh tế học, 1890.
- Robert Sollow
- Dựa trên cách tiếp cận vi mô

# Sự vận động của nền kinh tế

- Mức sản lượng tiềm năng có thể đạt được trên cơ sở tự điều chỉnh mức giá và tiền công danh nghĩa, nhưng chỉ có thể xảy ra ở một thời điểm cụ thể



# Các yếu tố tăng trưởng kinh tế

$$Y = f(R, L, K, T)$$

R: đất đai (rent)

L: lao động (labour)

K: vốn (capital)

T: công nghệ (technology)



# Mô hình tăng trưởng Solow

- Hàm sản xuất Cobb-Douglas

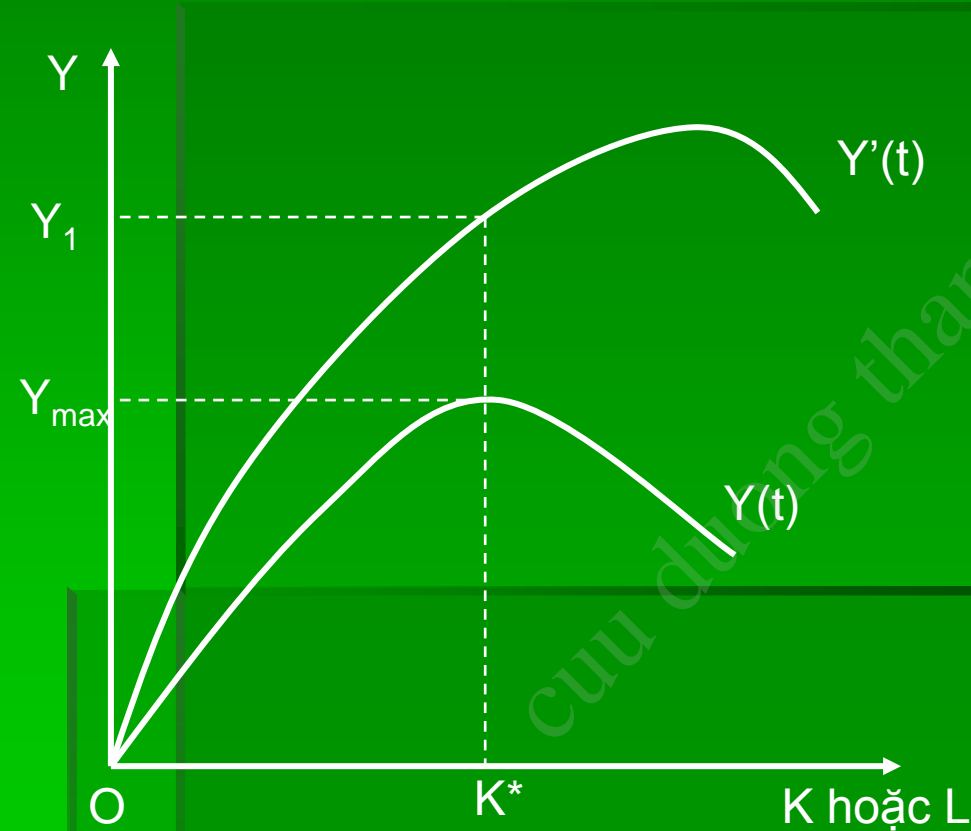
$$Y(t) = A(t)K(t)^{1-\alpha}L(t)^\alpha$$

$A(t)$	trình độ công nghệ thời kỳ $t$
$K$	vốn (bao gồm cả đất đai và tài nguyên)
$L$	lao động
$1-\alpha$	sản lượng cận biên của vốn
$\alpha$	sản lượng cận biên của lao động
$0 < \alpha < 1$	

$$g = a + (1 - \alpha)k + \alpha l$$

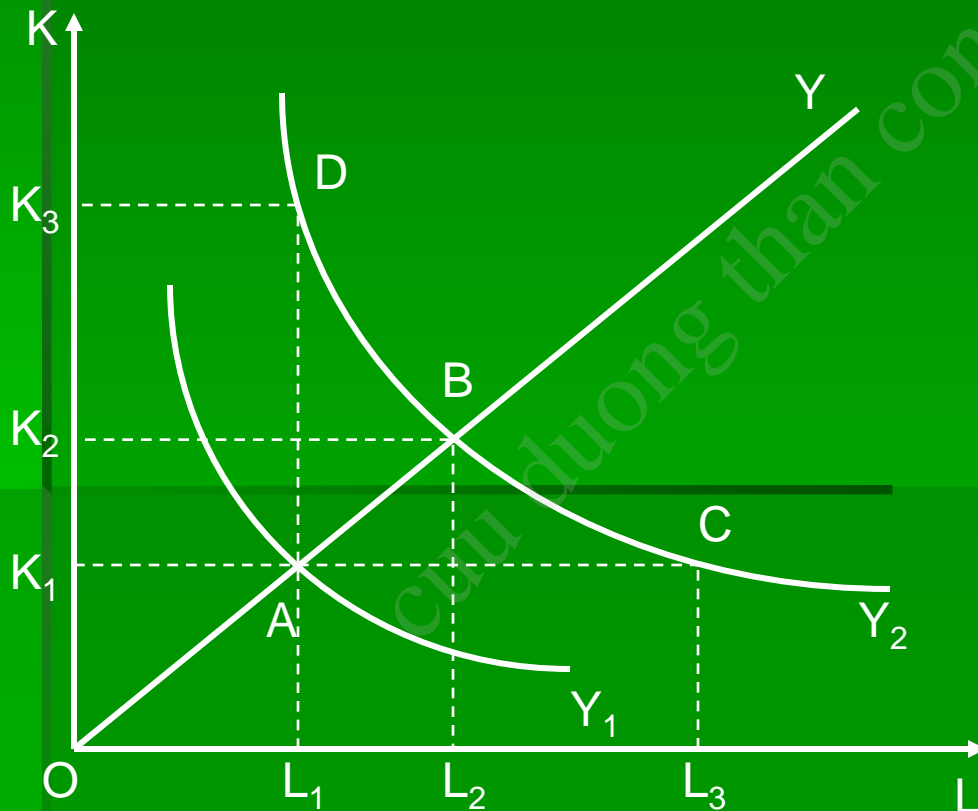
$g$	tốc độ tăng trưởng của sản lượng
$k$	tốc độ tăng trưởng của vốn
$l$	tốc độ tăng trưởng của lao động

# Hàm sản xuất của Sollow



- Tác động của công nghệ làm thay đổi vị trí của hàm sản xuất
- Nếu công nghệ không đổi, sản lượng sẽ chỉ tăng đến một điểm dừng nhất định
- Yếu tố quyết định tăng trưởng bền vững là công nghệ

# Đường đồng lượng



- Vốn và lao động có thể thay thế cho nhau
- Phát triển kinh tế theo chiều sâu: tăng số lượng vốn cho một đơn vị lao động
- Phát triển kinh tế theo chiều rộng: tăng vốn và lao động với cùng một tỉ lệ

# Vai trò của chính phủ

- Đề cao vai trò của thị trường tự do cạnh tranh
- Giá cả và tiền lương biến động linh hoạt để đưa thị trường về trạng thái cân bằng
- Sự can thiệp của chính phủ không tác động đến sản lượng mà chỉ làm ảnh hưởng đến mức giá của nền kinh tế

# Nhận xét

- Là người đầu tiên phát hiện ra tính thay thế của các yếu tố sản xuất
- Chứng minh được một cách hệ thống vai trò của công nghệ
- Mang lại niềm hi vọng cho các nước nghèo trong việc tăng trưởng kinh tế

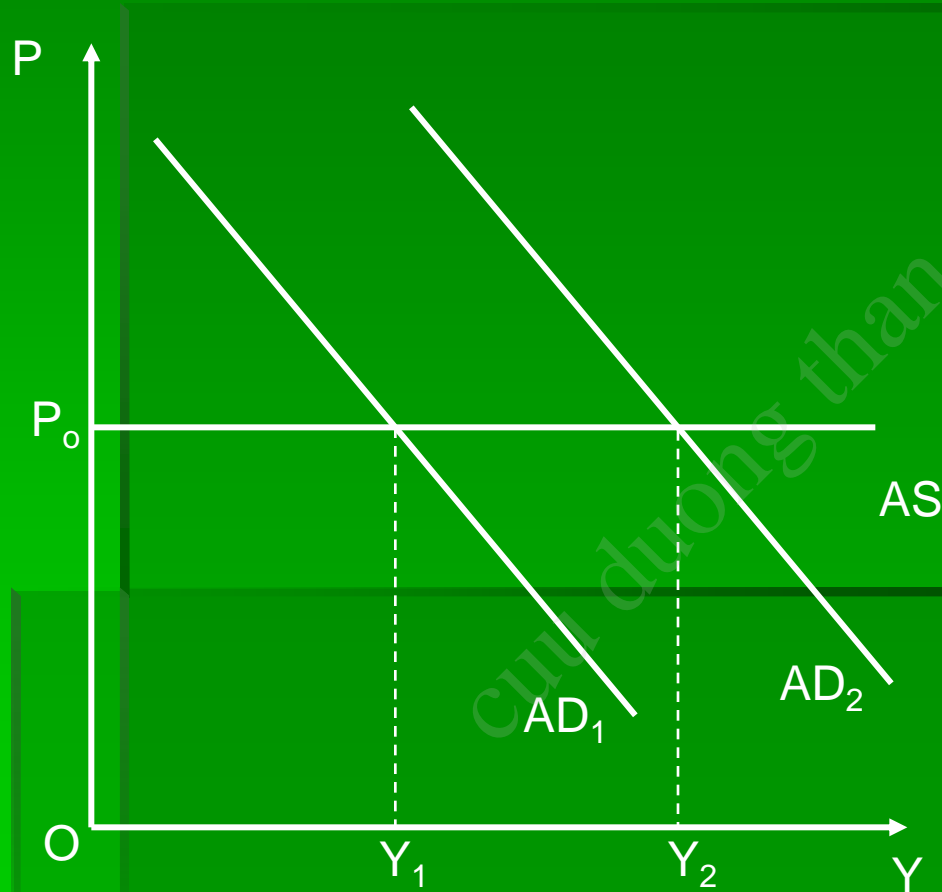
# Nhận xét

- Do đồng nhất các đơn vị đầu vào và do chưa phân biệt được ngắn hạn và dài hạn nên họ cho rằng các yếu tố có thể thay thế cho nhau hoàn hảo
- Chưa nhận thức được vai trò điều tiết vĩ mô của chính phủ

# Lý thuyết của Keynes

- John Maynard Keynes, 1936. Lý thuyết chung về việc làm, lãi suất và tiền tệ.

# Sự vận động của nền kinh tế



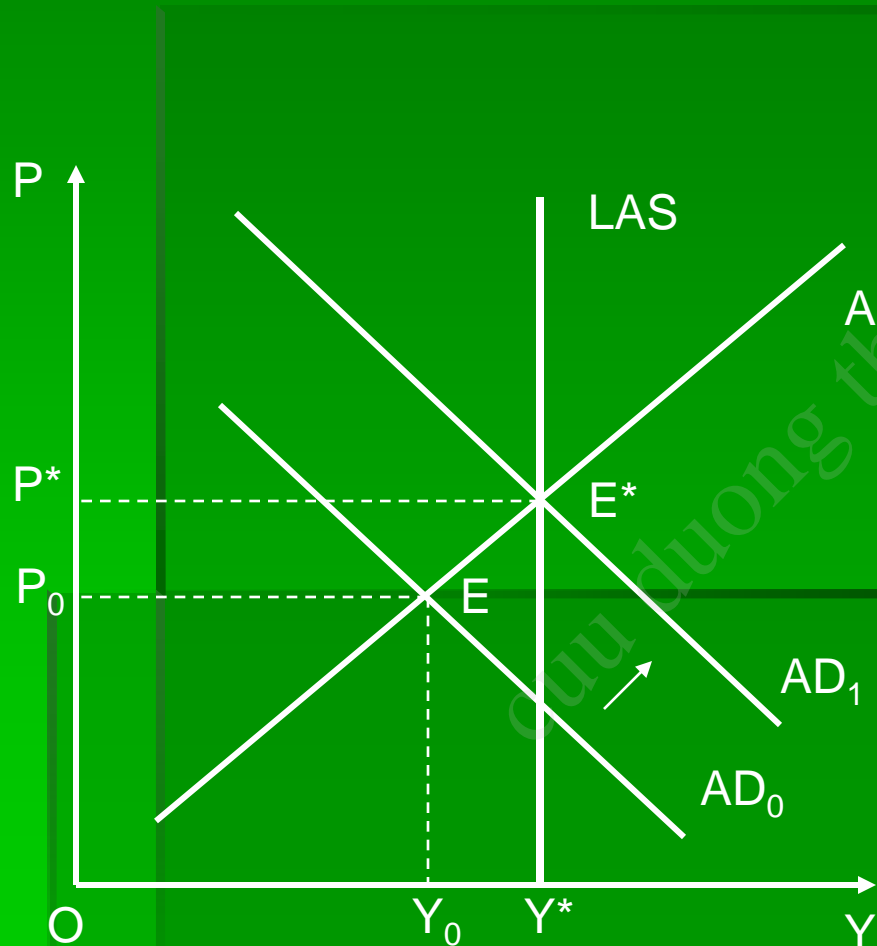
- Giá cả và tiền lương danh nghĩa cứng nhắc
- Sản lượng do tổng cầu quyết định



# Các yếu tố tăng trưởng kinh tế

- R, K, L, T
- Trường phái cổ điển: đất đai
- Marx: lao động
- Trường phái tân cổ điển: công nghệ
- Keynes: Vốn là yếu tố quan trọng nhất

# Mô hình AD-AS



- Nền kinh tế luôn ở mức dưới sản lượng tiềm năng do dư thừa nguồn lực
- $AD = C + I + G + NX$
- $C$  giảm  $\rightarrow P$  giảm  $\rightarrow w$  tăng do  $W$  cứng nhắc  $\rightarrow$  chi phí sản xuất tăng  $\rightarrow$  lợi nhuận giảm  $\rightarrow$  đầu tư giảm  $\rightarrow$  AS giảm  $\rightarrow Y$  giảm
- Để kích thích tăng trưởng kinh tế, phải kích cầu thông qua các bộ phận của nó, đặc biệt là tiêu dùng  $C$
- Số nhân Keynes

# Vai trò của chính phủ: quan trọng

- G là một bộ phận của AD
- Kích thích đầu tư của khu vực tư nhân
  - đặt hàng các DN
  - trợ cấp cho DN
  - giảm lãi suất
  - thực hiện lạm phát có điều tiết
- Phân phối lại thu nhập (thuế+trợ cấp)
  - Tăng tiêu dùng của người nghèo
- Cung cấp hàng hóa công cộng, hỗ trợ các doanh nghiệp kém hiệu quả, đầu tư vào các lĩnh vực quan trọng → “bơm động lực” cho tăng trưởng kinh tế

# Quan điểm kinh tế học hiện đại

- Paul A. Samuelson và William D. Norhaus, 1948. Kinh tế học.
- Ủng hộ việc xây dựng một nền kinh tế hỗn hợp:
  - Thị trường trực tiếp các vấn đề cơ bản của nền kinh tế
  - Nhà nước tham gia điều tiết có mức độ để hạn chế các khuyết tật của thị trường

# Sự vận động của nền kinh tế

- Sản lượng được quyết định bởi cả tổng cung và tổng cầu trong ngắn hạn
- Trong dài hạn: tổng cung là lực lượng quyết định

# Các yếu tố tăng trưởng kinh tế

- Tăng trưởng kinh tế là sự mở rộng sản lượng tiềm năng → đường giới hạn khả năng sản xuất dịch chuyển ra ngoài
- Trong ngắn hạn: các nguồn lực chưa được sử dụng hết → tăng C, I, G, NX có thể làm tăng sản lượng

# Tổng cung

- Trong ngắn hạn: tác động với tổng cầu để xác định sản lượng, giá cả, việc làm
- Trong dài hạn: tổng cung quyết định sản lượng tiềm năng của nền kinh tế

$$Y = T \cdot K^{\alpha} \cdot L^{\beta} \cdot R^{\gamma}$$

$$g = t + \alpha k + \beta l + \gamma r$$

- Bốn yếu tố trên là 4 bánh xe của động cơ tăng trưởng, quan trọng nhất là T

# Kết hợp giữa vốn và lao động

- Vốn là cơ sở để phát huy các yếu tố khác, là cơ sở để tạo ra công nghệ tiên tiến
- Vốn và lao động được kết hợp với nhau theo tỉ lệ thay đổi do tác động của khoa học và công nghệ



# Vai trò của thị trường

- Thị trường là yếu tố căn bản để điều tiết hoạt động của nền kinh tế
- Sự tác động qua lại giữa các thị trường tạo ra sự cân bằng tổng thể
- Thị trường cân bằng tự xác định thu nhập thực tế, công ăn việc làm, giá cả

# Những khuyết tật của thị trường

- Cạnh tranh không hoàn hảo
- Ảnh hưởng ngoại sinh
- Thông tin không hoàn hảo
- Ngoài ra, thị trường không có khả năng làm giảm bất bình đẳng
- Không cung cấp hàng hóa công cộng

# 4 vai trò của chính phủ

- Thiết lập khuôn khổ pháp luật
- Tác động vào phân bổ tài nguyên để cải thiện hiệu quả kinh tế
- Thiết lập các chương trình tác động tới phân phối thu nhập
- Thiết lập các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô

# Mô hình tăng trưởng Harrod-Domar

- Roy Harrod và Evsey Domar

$k = \Delta K / \Delta Y$ : hệ số ICOR

hay tỉ lệ vốn-sản lượng: cần phải có thêm bao nhiêu đồng vốn để có được thêm một đồng sản lượng

# Mô hình tăng trưởng Harrod-Domar

- Giả định
- |                |     |  |
|----------------|-----|--|
| $S = sY$       | (1) | (nền kinh tế đóng, không có khu vực CP)  |
| $I = S$        | (2) | (toàn bộ tiết kiệm được đầu tư)          |
| $I = \Delta K$ | (3) | (toàn bộ đầu tư làm tăng tổng lượng vốn) |

$$\frac{K}{Y} = k \quad \text{hay} \quad \frac{\Delta K}{\Delta Y} = k = \frac{K}{Y} \quad \text{hay} \quad \Delta K = k \Delta Y \quad (4)$$

Từ (1), (2), (3) và (4), ta có

$$S = sY = k \Delta Y = \Delta K = I \quad (5)$$

$$\text{Hay} \quad sY = k \Delta Y \quad (6)$$

Chia hai vế của (6) cho  $Y$  và  $k$ , ta có

$$\frac{\Delta Y}{Y} = \frac{s}{k} \quad \Rightarrow \quad g = \frac{s}{k} \quad \text{hay} \quad g = s \frac{1}{k}$$

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế phụ thuộc  $s$  trong điều kiện ICOR không đổi
- $1/k$ : hiệu quả đầu tư của vốn
- Tốc độ tăng trưởng = tỉ lệ tiết kiệm  
x hiệu quả đầu tư

# Nhận xét

- Xuất phát từ những giả định không thực tế → nhiều hạn chế
  - Các nền kinh tế không hoàn toàn đóng cửa → dù tỉ lệ tiết kiệm thấp vẫn có thể thu hút vốn từ bên ngoài
  - Không có sự chuyển hóa hoàn toàn giữa tiết kiệm và đầu tư

- Giả định hệ số ICOR không đổi là không đúng, thay đổi cơ cấu đầu tư làm ICOR thay đổi
- Chưa giải thích được hiện tượng hệ số ICOR tăng cao ở các nước phát triển nhưng vẫn duy trì được tăng trưởng

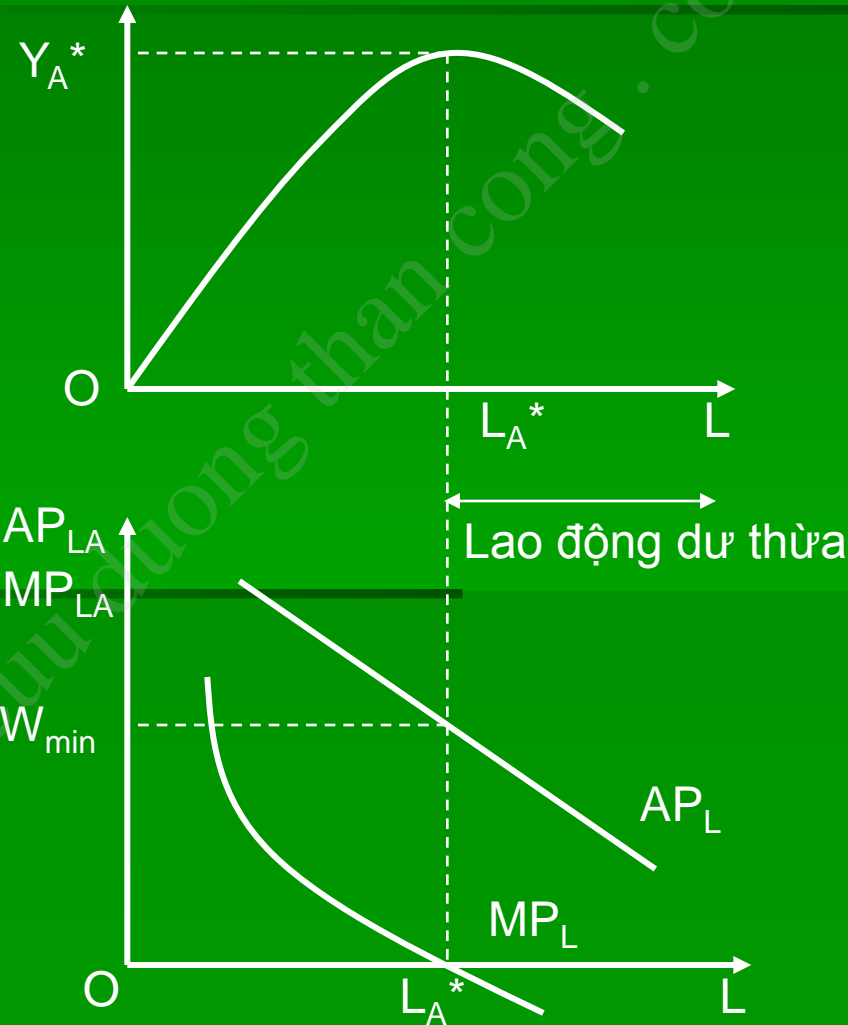


- Giúp các nhà lập chính sách chú ý đến khuyến khích tiết kiệm và đầu tư, duy trì ICOR hợp lý

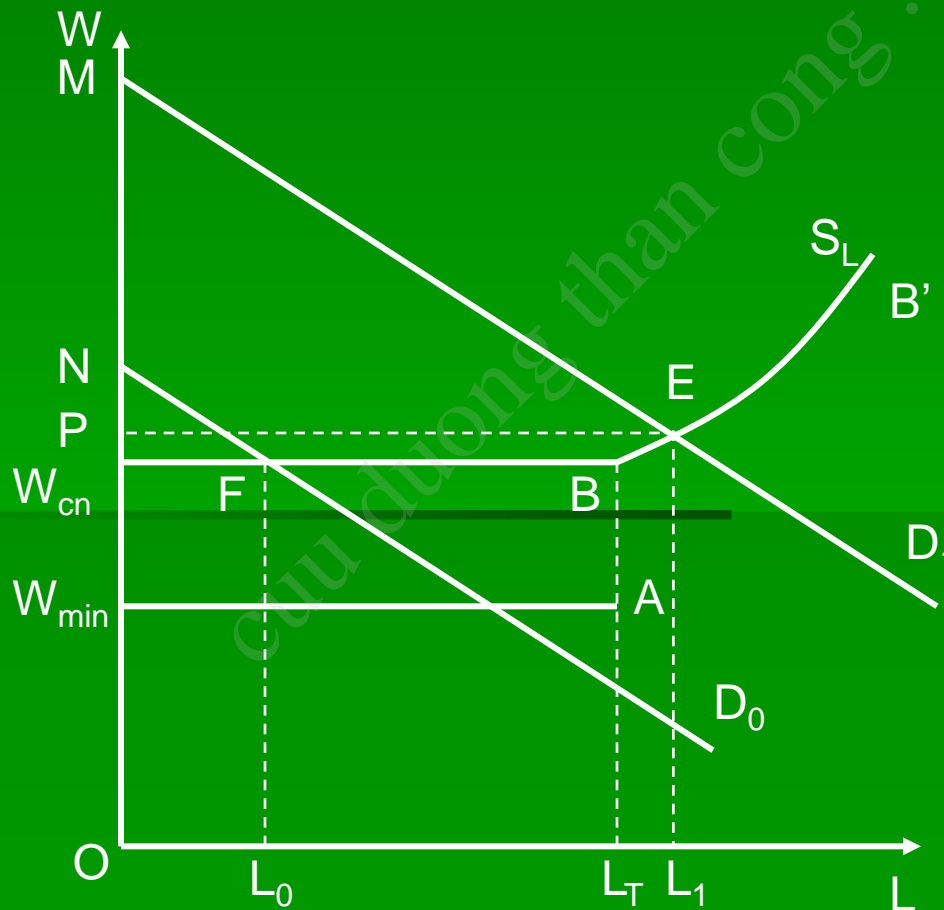
# Lý thuyết thay đổi cơ cấu

- Arthus Lewis – John Fei – Gustav Renis: mô hình hai khu vực
- Khu vực nông nghiệp truyền thống
  - Năng suất thấp, lao động sản xuất để tự đáp ứng nhu cầu của họ
  - Dự thừa lao động
- Khu vực công nghiệp mới hình thành
  - Năng suất cao
  - Tiền công cao

# Hàm sản xuất nông nghiệp và tiền công lao động



# Cung và cầu lao động trong công nghiệp



# Hai giai đoạn của quá trình phát triển kinh tế

- Giai đoạn 1:
  - Đầu tư công nghiệp chưa nhiều
    - Chưa thu hút hết lao động dư thừa
    - Lương lao động không đổi
    - Tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận lớn hơn nhiều so với tốc độ tăng trưởng của lương
    - Tích lũy tư bản tăng nhanh
    - Thu hút ngày càng nhiều lao động sang khu vực công nghiệp

## ■ Giai đoạn 2:

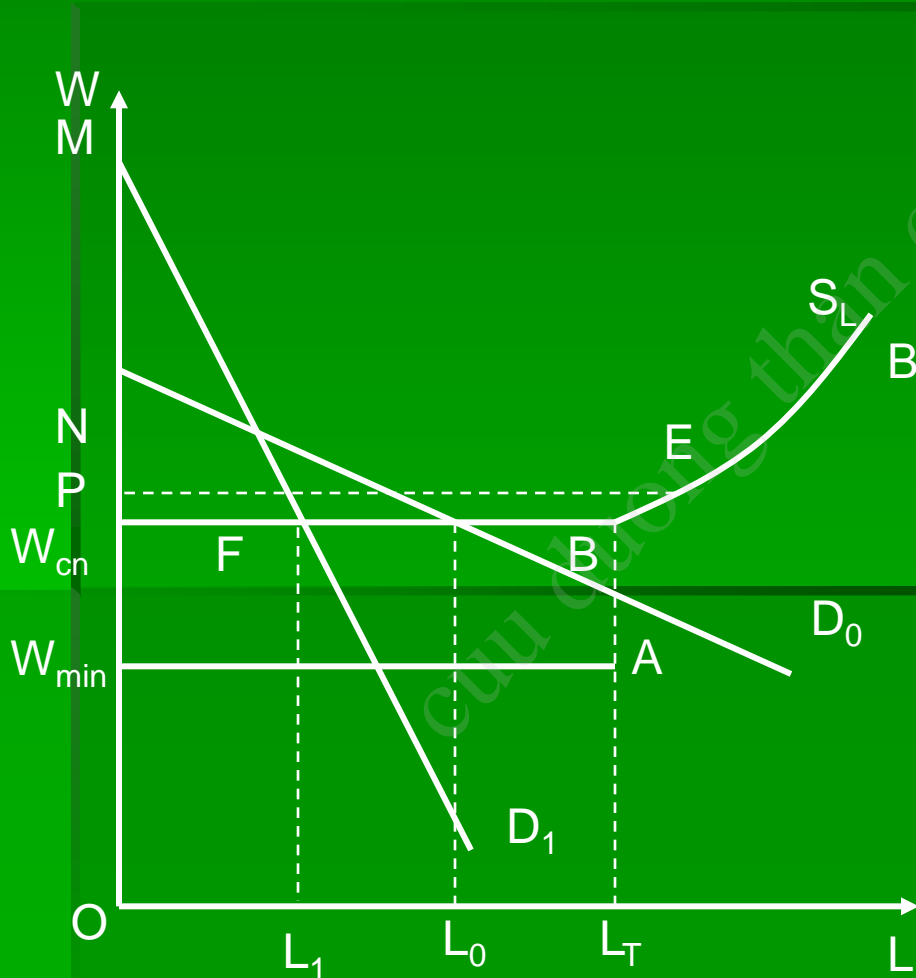
- Lao động bắt đầu khan hiếm hơn

→ Lương lao động tăng

→ Khu vực công nghiệp đầu tư trở lại vào nông nghiệp để tăng năng suất lao động nhằm thu hút thêm lao động sang khu vực công nghiệp

→ Lương trong khu vực nông nghiệp tăng

# Nhận xét (1)



- Giả định tốc độ chuyển lao động tỉ lệ thuận với tốc độ tích lũy vốn
- Nếu lợi nhuận được tái đầu tư nhằm tăng năng suất lao động và tiết kiệm sức lao động thì sẽ làm thay đổi tác động của mô hình đến tạo công ăn việc làm

# Nhận xét (2)

- Giả định có sự dư thừa lao động trong khu vực nông nghiệp có vẻ không hoàn toàn phù hợp thực tế
  - Tỷ lệ thất nghiệp thành thị cao hơn tỷ lệ thất nghiệp nông thôn ở các nước đang phát triển



# Nhận xét (3)

- Giả định mức lương trong khu vực công nghiệp không đổi cho đến khi thu hút hết lực lượng lao động dư thừa trong khu vực nông nghiệp
  - Thực tế cho thấy lương của khu vực công nghiệp tăng cả về tuyệt đối lẫn tương đối so với khu vực nông nghiệp

# Mô hình hai khu vực của Harry T. Oshima

- Oshima, Tổng trưởng kinh tế châu Á gió mùa.
- Tình trạng dư thừa lao động chỉ diễn ra thời vụ (lúc nông nhàn)  
→ không thể áp dụng nguyên si mô hình của Lewis-Fei-Renis
- Việc đầu tư nhiều vào công nghiệp trong ngắn hạn là khó khăn đối với các nước nghèo

# Ba bước thúc đẩy tăng trưởng

1. Tạo việc làm cho thời gian nhàn rỗi
2. Hướng tới việc làm đầy đủ
3. Sau khi có việc làm đầy đủ

# Tạo việc làm cho thời gian nhàn rỗi

- Tăng vụ, đa dạng hóa cây trồng, mở rộng chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp
- Nhà nước tăng cường đầu tư vào nông nghiệp
  - Thu nhập nông dân tăng lên, sản lượng nông nghiệp tăng
  - Giảm nhu cầu nhập khẩu và tăng xuất khẩu lương thực
  - Có thêm ngoại tệ để nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ công nghiệp

# Hướng tới việc làm đầy đủ

- Đa dạng hóa nông nghiệp, tăng việc làm phi nông nghiệp: chế biến lương thực, đồ gỗ, thủ công nghiệp, dịch vụ
  - Mở rộng thị trường cho khu vực công nghiệp
  - Thu hút lao động sang khu vực CN
  - Thị trường lao động trở nên khan hiếm
  - Tiền lương thực tế tăng

# Sau khi có việc làm đầy đủ

- Có sự thay thế lao động chân tay bằng máy móc do giá nhân công đắt
  - Nông nghiệp phát triển do tăng cường ứng dụng KHKT
  - Giải phóng phần lớn lực lượng lao động nông nghiệp cho khu vực công nghiệp
  - Dịch chuyển nền kinh tế từ NN sang CN
  - Dịch chuyển tiếp từ CN sang DV